TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2026
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Pháp và bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị Thúy K**, sinh ngày 02/4/1990;

Căn cước công dân số: 089190001701;

Địa chỉ thường trú: Ấp S, xã Ó, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã Ó, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh ngày 28/12/1988;

Căn cước công dân: 089088008958;

Địa chỉ: Ấp S, xã Ó, tỉnh An Giang.

(Có mặt bà K, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị Thúy K trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn T tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, bà và ông T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau về kinh tế tiền bạc, ông T ăn chơi nên gây nợ nần và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, nên từ đó tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc; bà và ông T sống ly thân từ năm 2023 nhưng đến tháng 7/2025 bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay; trong thời gian từ tháng 7/2025 đến nay, ông T cũng không đến thăm gặp bà và con. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Đoàn Công L, sinh ngày 11/11/2011 và Huỳnh Đoàn Khánh H, sinh ngày 01/01/2017; từ tháng 7/2025, hai con sống chung với bà cho đến nay. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, cháu H; bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho hai con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đoàn Thị Thúy K tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau về kinh tế tiền bạc, ông cũng có ăn chơi nên gây nợ nần, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau; ông và bà K sống ly thân từ năm 2023 đến tháng 7/2025 bà K bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay; trong thời gian từ tháng 7/2025 đến nay, ông cũng không đến thăm gặp bà K và con. Nay bà K yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn với bà K, vì ông gây ra nợ nần nên bà K xin ly hôn chứ ông không có lỗi lầm gì với bà K.

Về con chung: Có 02 con chung như bà K trình bày. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, ông đồng ý giao hai con chung tên Huỳnh Đoàn Công L, sinh ngày 11/11/2011 và Huỳnh Đoàn Khánh H, sinh ngày 01/01/2017 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng; ông không ai cấp dưỡng cho hai con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà K có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông T vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa**:

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thúy K, cho bà K ly hôn với ông T, giao con chung tên Huỳnh Đoàn Công L, sinh ngày 11/11/2011 và Huỳnh Đoàn Khánh H, sinh ngày 01/01/2017 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng; buộc bà K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại xã Ó, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà K và ông T là hôn nhân hợp pháp, ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là xã Ó), tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/6/2009. Trong quá trình chung sống, hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, ông T thừa nhận bản thân có ăn chơi nên gây nợ nần, vợ chồng cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2023, đến tháng 7/2025 bà K bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà K, ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K, cho bà K được ly hôn với ông T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà K yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Đoàn Công L, sinh ngày 11/11/2011 và Huỳnh Đoàn Khánh H, sinh ngày 01/01/2017. Sau khi ly hôn, bà K yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông T đồng ý giao hai con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bà K, ông T đã thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cũng theo nguyện vọng của các cháu muốn được sống với bà K. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu L, cháu H cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Cấp dưỡng cho con: Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho hai con chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Bà K, ông T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà K, ông T thống nhất không có nợ chung; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà K được chấp nhận nên bà K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thúy K.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đoàn Thị Thúy K được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

2. *Về nuôi con chung*: Bà Đoàn Thị Thúy K trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Đoàn Công L, sinh ngày 11/11/2011 và Huỳnh Đoàn Khánh H, sinh ngày 01/01/2017. Hiện bà K đang nuôi cháu L, cháu H.

Ông Huỳnh Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Bà Đoàn Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009922 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà K đã nộp xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bà Kiều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Óc Eo;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Bé Thi